| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ H**<br>**TỈNH THỪA THIÊN HUẾ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 122/2023/QĐST-HNGĐ | *Thành phố H, ngày 10 tháng 3 năm 2023* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 35/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Anh Hoàng Ngọc T, sinh năm 1989.

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: 12 kiệt 253 P, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Chị Ngô Thị Hồng L, sinh năm 1996.

Hộ khẩu thường trú: Số 12 kiệt 253 P, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã T2, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Ngọc T và chị Ngô Thị Hồng L tự nguyện đăng ký hôn vào ngày 02/8/2017 tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị L là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn giữa anh T và chị L là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh T và chị L.

[2] Về con chung: Anh Hoàng Ngọc T và chị Ngô Thị Hồng L có 01 con chung tên là Hoàng Ngọc T1, sinh ngày 05/6/2018. Hiện nay, cháu T1 đang sống cùng với chị L. Nay ly hôn, anh T và chị L thỏa thuận: Giao cháu T1 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi); anh T cấp dưỡng nuôi cháu T1 mỗi tháng 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng/tháng) kể từ khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T1 đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Anh Hoàng Ngọc T và chị Ngô Thị Hồng L trình bày không có tài sản chung, không vay nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Ngọc T và chị Ngô Thị Hồng L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Hoàng Ngọc T và chị Ngô Thị Hồng L có 01 con chung tên là Hoàng Ngọc T1, sinh ngày 05/6/2018. Hiện nay, cháu T1 đang sống cùng với chị L.

Giao cháu Hoàng Ngọc T1 cho chị Ngô Thị Hồng L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi); anh Hoàng Ngọc T cấp dưỡng nuôi cháu T1 mỗi tháng 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng/tháng) kể từ khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T1 đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Anh Hoàng Ngọc T và chị Ngô Thị Hồng L trình bày không có tài sản chung, không có ai yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Hoàng Ngọc T và chị Ngô Thị Hồng L mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005457 ngày 11/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh T và chị L đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Người yêu cầu;
- TAND tỉnh TT. Huế;
- VKSND thành phố H;
- CC THADS thành phố H;
- UBND P. A, TP. H
*(ĐKKH số: 95 ngày 02/8/2017)*
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

(Đã ký)

**Lê Văn Hạnh**